

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI,
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2023/DS-ST**

Ngày: 18/01/2023

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và
chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Được, ông Đào Xuân Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2021/TLST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/QĐXX-ST ngày 29/11/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-DS ngày 15/12/2022 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 03/01/2023 của TAND thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Phạm Xuân V, sinh năm 1958, có mặt.

+ Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1981, có mặt.

Cùng địa chỉ nơi cư trú: KP. Tân Đồng 1, p. N, TP. Đồng Xoài, Bình Phước.

+ Bà Phạm Thị Cẩm V, sinh năm 1981, có mặt.

+ Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1989, có mặt.

Cùng địa chỉ nơi cư trú: KP. PT, phường N, TP. Đồng Xoài, Bình Phước

- Bị đơn: Ông Phạm Gia L, sinh năm 1992. Địa chỉ nơi cư trú: Khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ UBND tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: bà Trần Tuệ I- Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Trần Trọng K – Phó giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

+ Ông Trần Quốc P. Địa chỉ: Khu phố Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

+ ông Đoàn Văn O, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố PT, phường N, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

+ Bà Lê Thị R. Địa chỉ: Khu phố 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

+ Ông Huỳnh Hoàng M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh G, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Mỹ Sơn, xã Tam Anh Nam, Núi Thành, Quảng Nam.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Phạm Xuân V trình bày: Ngày 12/4/2013 ông Phạm Xuân V và bà Nguyễn Thị A ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 46/2013/QĐST-HNGĐ của Toà án nhân dân thành phố Đồng Xoài. Khi bà A và ông V còn trong thời gian hôn nhân có tạo lập được tài sản chung là thửa đất có diện tích 569m² tọa lạc tại phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài (nay là khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSDĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A. Trên đất có 01 căn nhà cấp 3 gồm 01 trệt, 02 lầu, xây dựng năm 2008, và một số công trình, cây trồng. Nguồn gốc thửa đất là do ông V và bà A cùng khai hoang khi ở Thanh Hoá chuyển vào Sông Bé (nay là tỉnh Bình Phước) sinh sống từ năm 1984, sau đó năm 1992 được cấp sổ, đến năm 2000 mới được UBND tỉnh Bình Phước cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Toàn bộ tài sản trên quyền sử dụng đất này do ông V và bà A cùng tạo lập, các con không có đóng góp gì. Ngoài ra bà A không có tài sản riêng nào khác, không vay mượn tiền bạc của ai, không cho tặng, sang nhượng tài sản của bà cho ai khác. Quá trình chung sống giữa ông V và bà A có 04 con chung gồm có: Phạm Thanh T – sinh năm 1981, Phạm Thị Cẩm V – sinh năm 1981, Phạm Thị Thu H – sinh năm 1989, Phạm Gia L – sinh năm 1992, ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ của bà A là ông Nguyễn Văn Đan (sinh năm 1930) chết năm 2018 và bà Đỗ Thị Luân (không rõ năm sinh) chết năm 1992, bà A không có cha mẹ nuôi.

Ngày 08/4/2020 bà Nguyễn Thị A chết vì đột quy, khi chết không để lại di chúc. Tại thời điểm ly hôn về tài sản chung ông V và bà A tự thỏa thuận nhưng không lập biên bản nào.

Nay ông V khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với bà A, cụ thể: ông V yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSDĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A, và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà trên thửa đất trên. Đối với phần đất và giá trị tài sản còn lại của bà Nguyễn Thị A để lại ông V yêu cầu chia cho các con chung của tôi và bà A gồm có: Phạm Thanh T, Phạm Thị Cẩm V, Phạm Thị Thu H, Phạm Gia L mỗi người một phần có giá trị bằng nhau.

Tại phiên toà ông V đồng ý thỏa thuận với các nguyên đơn khác và bị đơn, cụ thể: Do bà Phạm Thị Cẩm V, bà Phạm Thị Thu H tự nguyện từ chối phần di sản do bà A để lại nên ông V yêu cầu được nhận một nửa khối tài sản là nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSDĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh

Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A; còn một nửa khối tài sản sẽ chia đều cho ông Phạm Thanh T và ông Phạm Gia L.

*** Nguyên đơn ông Phạm Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà trình bày:** ông T là con ruột của ông Phạm Xuân V và bà Nguyễn Thị A. ông V và bà A khi còn chung sống với nhau sinh được 04 người con ruột gồm có ông T, Phạm Thị Cẩm V – sinh năm 1981, Phạm Thị Thu H – sinh năm 1989 và Phạm Gia L – sinh năm 1992. Ngoài ra ông V, bà A không có người con nuôi, con riêng nào cả. ông V, bà A chung sống với nhau đến năm 2013 thì ly hôn, sau khi ly hôn ông V và bà A vẫn ở chung một nhà. Năm 2008 ông T đã kết hôn với chị Lê Thị Thi và chuyển ra ngoài ở riêng cho đến nay. Các anh chị em sau khi kết hôn thì đều chuyển ra ngoài ở riêng, còn Long là em út còn nhỏ đi học thì ở chung với bố mẹ, sau đó đến khi lớn đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh thì lâu lâu mới về nhà một lần.

Ông bà đẻ ra bà Nguyễn Thị A là ông Nguyễn Văn Đan, sinh năm 1930 đã chết năm 2018 và bà Đỗ Thị Luân, chết năm 1992. bà A không có cha mẹ nuôi. Ngày 08/4/2020 bà Nguyễn Thị A chết vì đột quy, khi chết không để lại di chúc. Khi bà A và ông V còn trong thời gian hôn nhân có tài sản chung là thửa đất có diện tích 569m² tọa lạc tại phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài (nay là khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSĐĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A. Trên đất có 01 căn nhà cấp 3 gồm 01 trệt, 02 lầu và một số công trình, cây trồng xây dựng năm 2008 do ông V và bà A cùng xây dựng. Nguồn gốc đất do Nhà nước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A. Toàn bộ tài sản trên quyền sử dụng đất này do ông V và bà A cùng tạo lập, ông T lúc đó còn nhỏ và mới đi làm nên không có đóng góp gì. Ngoài ra bà A không có tài sản riêng nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản của bà Nguyễn Thị A theo quy định của pháp luật, chia di sản của bà A cho các con gồm có: Phạm Thanh T, Phạm Thị Cẩm V, Phạm Thị Thu H, Phạm Gia L mỗi người một phần có giá trị bằng nhau.

Tại phiên toà ông T đồng ý thoả thuận với các nguyên đơn khác và bị đơn, cụ thể: đồng ý để ông V là người quản lý, sử dụng, định đoạt toàn bộ tài sản là nhà và đất tại khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSĐĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A; và ông V phải trả phần giá trị nhà và đất phần ông T được hưởng cho ông T.

Đối với toàn bộ phần hoa lợi, lợi tức phát sinh từ di sản của bà Nguyễn Thị A để lại thì ông Phạm Thanh T không có ý kiến hay yêu cầu gì.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm V, bà Phạm Thị Thu H đều thống nhất trình bày:** bà V và bà H đều là con ruột của ông Phạm Xuân V và bà Nguyễn Thị A. ông V, bà A khi còn chung sống với nhau sinh được 04 người con ruột gồm có Phạm Thị Cẩm V, Phạm Thanh T, Phạm Thị Thu H và Phạm Gia L. Ngoài ra ông V, bà A không có người con nuôi, con riêng nào cả. Năm 2013 thì ly hôn, sau khi ly hôn ông V và bà A vẫn ở chung một nhà, các con thì

đều lập ra đình và ra ở riêng, riêng Phạm Gia L đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh lâu lâu mới về nhà một lần. Ông bà để ra bà Nguyễn Thị A là Nguyễn Văn Đan chết năm 2018 và Đỗ Thị Luân chết năm 1992. bà A không có cha mẹ nuôi.

Ngày 08/4/2020 bà Nguyễn Thị A chết vì đột quỵ, khi chết không để lại di chúc. Khi bà A và ông V còn trong thời gian hôn nhân có tài sản chung là thửa đất có diện tích 569m² tọa lạc tại phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài (nay là khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSDĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A. Trên đất có 01 căn nhà cấp 3 gồm 01 trệt, 02 lầu, xây dựng năm 2008 và một số công trình, cây trồng do ông V và bà A cùng xây dựng. Nguồn gốc đất này như nào thì bà V, bà H không rõ. Toàn bộ tài sản trên quyền sử dụng đất này do ông V và bà A cùng tạo lập, bà V, bà H lúc đó còn nhỏ và mới đi làm nên không có đóng góp gì. Ngoài ra bà A không có tài sản riêng nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án bà V và bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản của bà A theo quy định của pháp luật, chia di sản của bà A cho các con gồm có: Phạm Thanh T, Phạm Thị Cẩm V, Phạm Thị Thu H, Phạm Gia L mỗi người một phần có giá trị bằng nhau.

Nay tại phiên tòa, bà V và bà H tự nguyện từ chối nhận phần di sản của bà Nguyễn Thị A để lại, đồng ý để ông V là người quản lý, sử dụng, định đoạt toàn bộ tài sản là nhà và đất tại khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSDĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A; ông V được nhận 01 nửa phần giá trị nhà và đất trên, một nửa còn lại yêu cầu chia cho ông Phạm Thanh T và ông Phạm Gia L mỗi người một phần bằng nhau, và do ông V nhận nhà và đất nên phải trả tiền cho ông T, ông L.

Đối với toàn bộ phần hoa lợi, lợi tức phát sinh từ di sản của bà Nguyễn Thị A để lại thì bà V, bà H không có ý kiến hay yêu cầu gì.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Gia L vắng mặt nhưng tại phiên tòa ông L có mặt trình bày:** ông L thống nhất đối với phần trình bày của các nguyên đơn khác về nguồn gốc tài sản mà bà Nguyễn Thị A khi chết để lại, bà A chết không để lại di chúc. Tại phiên tòa ông L đồng ý thỏa thuận với các nguyên đơn về chia di sản của bà A để lại, cụ thể: đồng ý để ông V là người quản lý, sử dụng, định đoạt toàn bộ tài sản là nhà và đất tại khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSDĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A; ông V được nhận 01 nửa phần giá trị nhà và đất, một nửa còn lại yêu cầu chia cho ông Phạm Thanh T và ông Phạm Gia L mỗi người một phần bằng nhau, và do ông V nhận nhà và đất nên phải trả tiền cho ông T, ông L. ông L cũng không có ý kiến gì về việc bà V, bà H từ chối nhận di sản của bà A và không có yêu cầu xem xét đối với toàn bộ phần hoa lợi, lợi tức phát sinh từ di sản của bà Nguyễn Thị A để lại.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Bình Phước – đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông Trần Trọng K trình bày:**

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 1149/QSDĐ/UB được UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 22/6/2000 với diện tích 569 m² (trong đó có 400 m² đất T (đất ở)và 169 m² đất vườn (CLN) (không bao gồm phần diện tích khu đất an toàn lộ giới) được cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 95/GCN/SB cấp ngày 17/03/1992 do UBND huyện Đồng Phú cấp cho bà Nguyễn Thị A (tại trang 4 giấy chứng nhận thể hiện nội dung ghi chú diện tích sử dụng 569 m² và khu đất an toàn lộ giới 247,2m²). Việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên được thực hiện theo khoản 2, Mục số III, phần 3, Thông tư số 346/1998/TTTCĐC ngày 16/3/1998 hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về phần diện tích được Giấy chứng nhận: Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1998 thì vị trí thửa đất nêu trên thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42 có diện tích 643,7 m² (không bao gồm hành lang bảo vệ đường bộ) thuộc phường Tân Xuân(nay phường N). Nay ranh giới thống nhất theo Mảnh trích đo địa chính số TĐ-106/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 19/5/2022 thì thửa đất thuộc thửa 35 tờ bản đồ số 21 có diện tích 627,5 m² tại khu phố Tân Đồng,phườngN, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Việc có sự thay đổi diện tích giữa số liệu đo đạc cũ và số liệu đo đạc mới do thay đổi phương pháp đo đạc và thay đổi hành lang bảo vệ đường bộ. Trường hợp người dân có nhu cầu chỉnh lý hay cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu thửa đất không có tranh chấp, không có quyết định thu hồi thì được thực hiện cấp đổi theo quy định và việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 105, Luật Đất đai năm 2013.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc P, Đoàn Văn O, bà Lê Thị I trình bày:** Đối với việc chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị A thì ông Phòng, ông Hòa, bà Thi đều không có ý kiến hay yêu cầu gì.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Hoàng Kiếm trình bày:** Ông Kiếm là người thuê nhà của ông Phạm Xuân V, việc thuê nhà có làm hợp đồng thuê, giá thuê từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/6/2021 là 10.000.000 đồng/tháng, và từ ngày 15/6/2021 đến ngày 15/6/2022 giá thuê là 11.000.000 đồng/tháng; hàng tháng ông Kiếm trả đủ tiền cho ông V. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế và chia tài sản chung theo thông báo thụ lý số 136 ngày 18/10/2021 của TAND thành phố Đồng Xoài thì ông không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm, khi nào ông V có thông báo trả nhà thì ông Kiếm sẽ trả nhà ngay cho ông V.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh Phượng trình bày:** Bà Phượng là cháu của ông Phạm Xuân V, bà Nguyễn Thị A. Thời điểm năm 2000 bà Phượng có tên trong sổ hộ khẩu của hộ bà Nguyễn Thị A nhưng trước đó năm 1997 bà Phượng đã về quê sinh sống mà chưa tách khẩu. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSDĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A là tài sản chung của ông V và bà A. Bà Phượng không có ý kiến hay yêu cầu gì.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Phạm Xuân V, ông Phạm Thanh T, bà Phạm Thị Cẩm V, bà Phạm Thị Thu H khởi kiện ông Phạm Gia L. Do bị đơn là ông Phạm Gia L có địa chỉ cư trú tại Khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm người đại diện tham gia tố tụng của UBND tỉnh Bình Phước, ông Trần Quốc P, ông Đoàn Văn O, bà Lê Thị I, ông Huỳnh Hoàng K, bà Nguyễn Thị Thanh Phụng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên trên là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1]. Về di sản thừa kế và tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất tài sản chung của ông Phạm Xuân V và bà Nguyễn Thị A là thửa đất có diện tích 569m² tọa lạc tại phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài (nay là khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSĐĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A. Trên đất có 01 căn nhà cấp 3 gồm 01 trệt, 02 lầu, xây dựng năm 2008 và một số công trình, cây trồng khác. Nguồn gốc thửa đất là do ông V và bà A cùng khai hoang khi ở Thanh Hoá chuyển vào Sông Bé (nay là tỉnh Bình Phước) sinh sống từ năm 1984, sau đó năm 1992 được cấp sổ, đến năm 2000 mới được UBND tỉnh Bình Phước cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm tạo lập khối tài sản trên ông Phạm Thanh T, bà Phạm Thị Cẩm V, bà Phạm Thị Thu H, ông Phạm Gia L đều còn nhỏ, không đóng góp gì. Ngày 12/4/2013 ông V và bà A ly hôn, theo quyết định số 46/2013/QĐST-HNGĐ của TAND thành phố Đồng Xoài về tài sản chung ông V và bà A tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Đến ngày 08/4/2020 bà Nguyễn Thị A chết, khi chết không để lại di chúc. Do đó xác định nhà và đất tọa lạc tại khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSĐĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A là tài sản chung của ông Phạm Xuân V và bà Nguyễn Thị A;

Theo kết quả biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản

ngày 25/5/2022 thì tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSDD/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A gồm có: 01 căn nhà cấp 3 diện tích khoảng 414,12m², 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 219,6m², 01 căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 18,5m², 01 chuồng tam diện tích 2,4m², 01 hàng rào xây móng đá diện tích 145,5m², 01 hàng rào lưới B40, 01 bể cá kiếng diện tích 2,5m², 01 cây mít khoảng 3-4 năm tuổi, 01 cây lộc vùng khoảng 4 năm tuổi. Tổng giá trị đất và các tài sản trên đất tại thời điểm thẩm định, định giá là 29.148.188.400 đồng (*Hai mươi chín tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, một trăm tám mươi tám ngàn bốn trăm đồng*). Tại phiên tòa, các nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất đồng ý với giá mà hội đồng định giá đã định giá và đồng ý thỏa thuận theo giá nêu trên.

bà A và ông V cùng tạo lập khối tài sản chung nên mỗi người sẽ được $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản, mỗi người sẽ được nhận một phần có trị giá: $29.148.188.400 \text{ đồng} / 2 = 14.574.094.200 \text{ đồng}$ (*Mười bốn tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, không trăm chín mươi tư ngàn hai trăm đồng*); do đó xác định phần di sản của bà A có giá trị là 14.574.094.200 đồng và phần di sản này những người thừa kế của bà A sẽ được hưởng theo quy định của pháp luật.

[3.2]. Những người được hưởng thừa kế:

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất: Bà Nguyễn Thị A chết năm 2020, khi chết không để lại di chúc. Trong quá trình chung sống thì ông Phạm Xuân V và bà Nguyễn Thị A có 04 người con gồm: Phạm Thanh T – sinh năm 1981, Phạm Thị Cẩm V – sinh năm 1981, Phạm Thị Thu H – sinh năm 1989, Phạm Gia L – sinh năm 1992. Ngoài ra ông V, bà A không có con đẻ hay con nuôi nào khác, cha mẹ đẻ của bà A là ông Nguyễn Văn Đan đã chết năm 2018 và bà Đỗ Thị Luân chết năm 1992, bà A không có cha mẹ nuôi. Căn cứ vào Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật di sản của bà Nguyễn Thị A để lại gồm: ông Phạm Thanh T, bà Phạm Thị Cẩm V, bà Phạm Thị Thu H, ông Phạm Gia L.

[3.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Tại phiên tòa các bên đều đề nghị không áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]. Chia di sản thừa kế và chia tài sản chung:

Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất về việc phân chia tài sản chung và chia thừa kế đề nghị Tòa án ghi nhận. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của các đương sự không trái pháp luật nên được chấp nhận, ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Phạm Thị Cẩm V và bà Phạm Thị Thu H tự nguyện từ chối nhận di sản của bà Nguyễn Thị A để lại.

Ông Phạm Xuân V được nhận $\frac{1}{2}$ tổng giá trị tài sản chung của ông V và bà A là 14.574.094.200 đồng (*Mười bốn tỷ năm trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm đồng*); Phần di sản của bà A có giá trị 14.574.094.200 đồng sẽ chia cho ông Phạm Thanh T và ông Phạm Gia L mỗi người một phần bằng nhau, cụ thể: ông T và ông L mỗi người được nhận: $14.574.094.200 \text{ đồng} / 2 = 7.287.047.100 \text{ đồng}$ (*Bảy tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm đồng*).

Do ông Phạm Xuân V đang sinh sống trên nhà và đất trên nên các đương sự thống nhất đồng ý giao cho ông V được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất tại khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSDD/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A. ông V có trách

nhiệm thanh toán cho ông Phạm Thanh T và ông Phạm Gia L giá trị phần di sản của bà Nguyễn Thị A để lại bằng tiền, cụ thể ông V phải trả cho ông Phạm Thanh T, ông Phạm Gia L mỗi người 7.287.047.100 đồng (*Bảy tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm đồng*).

ông V phải thanh toán số tiền trên cho ông T và ông L trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2023 đến ngày 18 tháng 01 năm 2024 là hạn chót và dứt điểm.

[4]. Đối với phần hoa lợi, lợi tức phát sinh từ phần di sản của bà Nguyễn Thị A do các đương sự thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: 3.000.000 đồng, chi phí đo đạc: 13.867.124 đồng, chi phí đăng tin báo, đài: 3.000.000 đồng, chi phí trích lục hồ sơ: 610.000 đồng. Tổng cộng là 20.477.124 đồng. Do ông V, ông T và ông L đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ các chi phí tố tụng và chịu phần bằng nhau nên mỗi người phải nộp 6.825.708 đồng. Ông Phạm Xuân V đã nộp và thanh toán xong. Vì vậy, ông T và ông L mỗi người phải có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Xuân V 6.825.708 đồng (*sáu triệu tám trăm hai mươi năm ngàn, bảy trăm lẻ tám đồng*).

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Xuân V được chia tài sản chung trị giá là 14.574.094.200 đồng (*Mười bốn tỷ năm trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm chín mươi bốn ngàn hai trăm đồng*) nên phải chịu án phí là 122.574.094 đồng; tuy nhiên do ông Phạm Xuân V là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Ông Phạm Thanh T được hưởng phần di sản thừa kế là 7.287.047.100 đồng nên phải chịu án phí đối với phần được chia, cụ thể ông T phải chịu án phí là 115.287.047 đồng, khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng trước đó là 1.562.500 đồng, ông T còn phải nộp 113.724.547 đồng (*Một trăm mười ba triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm bốn mươi bảy đồng*).

- Ông Phạm Gia L được hưởng phần di sản thừa kế là 7.287.047.100 đồng nên phải chịu án phí đối với phần được chia, cụ thể ông L phải chịu án phí là 115.287.047 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng*).

- Bà Phạm Thị Cẩm V không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà V số tiền đã nộp tạm ứng trước đó là 1.562.500 đồng.

- Bà Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H số tiền đã nộp tạm ứng trước đó là 1.562.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 213, Điều 609, 611, 612, 620, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các nguyên đơn và bị đơn như sau:

1.1. Ông Phạm Xuân V được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản trên đất tại khu phố Tân Đồng 1, phường N, thành phố Đồng Xoài, Bình Phước theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1149/QSĐĐ/UB ngày 22/6/2000 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho hộ bà Nguyễn Thị A. ông V có quyền, trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký, tiến hành thủ tục cấp đổi hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản trên đất theo quy định của pháp luật theo quyết định của bản án, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Ông Phạm Xuân V có trách nhiệm trả cho ông Phạm Thanh T 7.287.047.100 đồng (*Bảy tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm đồng*), trả cho ông Phạm Gia L 7.287.047.100 đồng (*Bảy tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm đồng*);

Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2023 đến ngày 18 tháng 01 năm 2024 là hạn chót và dứt điểm.

1.3. Bà Phạm Thị Cẩm V và bà Phạm Thị Thu H tự nguyện từ chối nhận di sản của bà Nguyễn Thị A để lại.

2. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng các chi phí tố tụng gồm chi phí đo đạc, chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đăng tin báo - đài, trích lục hồ sơ là 20.477.124 đồng. Do ông V, ông T và ông L đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ các chi phí tố tụng và chịu phần bằng nhau nên mỗi người phải nộp 6.825.708 đồng. Ông Phạm Xuân V đã nộp và thanh toán xong tất cả các chi phí trên.

Ông Phạm Thanh T và ông Phạm Gia L mỗi người phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Phạm Xuân V 6.825.708 đồng (*sáu triệu tám trăm hai mươi năm ngàn, bảy trăm lẻ tám đồng*).

3. Về án phí:

3.1 Ông Phạm Xuân V được miễn nộp án phí do ông V là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

3.2. Ông Phạm Thanh T phải chịu án phí là 115.287.047 đồng, khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng trước đó là 1.562.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004024 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, ông T còn phải nộp 113.724.547 đồng (*Một trăm mười ba triệu, bảy trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm bốn mươi bảy đồng*).

3.3. Ông Phạm Gia L phải nộp án phí là 115.287.047 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng*).

3.4. Bà Phạm Thị Cẩm V không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà V số tiền đã nộp tạm ứng trước đó là 1.562.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004022 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

3.5. Bà Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H số tiền đã nộp tạm ứng trước đó là 1.562.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004023 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP. Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hoàng Long